

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH HÒA BÌNH

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày: 28/8/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Hoàng Kim Bảng

Ông Nguyễn Xuân Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Thêu - Thư ký TAND tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc A (tên khác: V), sinh ngày 26/10/1975 tại Nam Đ;

Nơi cư trú: Khu 1, thị trấn Pác M, huyện Bảo L, tỉnh Cao B.

Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: không.

Con ông: Phạm Văn B, con bà Đồng Thị N, có vợ là: Đồng Thị T; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007. Gia đình có 04 chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án: có 01 tiền án

Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao B xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy

Tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Đức P (tên khác: không), sinh ngày 17/4/1986 tại Bắc Giang

Nơi cư trú: thôn Yên V, xã Yên M, huyện Lạng G, tỉnh Bắc G.

Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: Không.

Con ông: Đỗ Văn M, con bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Ánh; có 02 con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012. Gia đình có 02 anh em bị cáo là con cả trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Quang B (tên khác: không), sinh ngày 08/12/1977 tại Thái B.

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn Pác M, huyện Bảo L, tỉnh Cao B.

Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo.

Con ông: Đinh Như K, con bà Nguyễn Thị Ngát; có vợ là: Lê Thị Hoa; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc A: Luật sư Nguyễn Xuân Việt - Công ty luật Hùng Lĩnh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức P: Luật sư Nguyễn Thị Hà - Văn phòng luật sư Lỗ Hữu Thạch, thuộc đoàn luật sư tỉnh Hòa B. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hồ Đức C; địa chỉ: tổ 3, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- Người làm chứng:

Ông Lê Thế H; địa chỉ: Xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc A, sinh năm 1975 và Đinh Quang B, sinh năm 1977 cùng trú tại thị trấn Pác M, Bảo L, Cao B có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 trú tại Quang Thịnh, Lạng Giang, Bắc Giang. Ngày 12/2/2019 Ngọc A (V), B đến nhà T chơi và ăn cơm, T có rủ thêm Đỗ Đức P, sinh năm 1986 trú tại Yên M, Lạng G, Bắc G đến nhà T cùng ăn cơm. Tại đây P, Ngọc A và B đã cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Trong tháng 02/2019 Lê Thế H, sinh năm 1958, trú tại Sủ Ngòi, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B có gọi điện nhờ Nguyễn Văn T tìm cho H một chiếc sập gỗ, T đồng ý và đã gọi điện thoại nói với Ngọc A là có H nhà ở thành phố Hòa B muốn mua một chiếc sập gỗ. Ngọc A nói có một chiếc sập gỗ trị giá 80.000.000 đồng, T đồng ý và bảo Ngọc A chở sập gỗ xuống Hòa B cho H. Ngày 19/02/2019 Ngọc A thuê ô tô chở sập gỗ xuống giao cho H, nhưng chưa lấy tiền bán sập gỗ, sau đó Ngọc A gọi điện cho Đinh Quang B rủ B ngày 20/02/2019 đi thành phố Hòa B cùng Ngọc A để lấy tiền bán sập gỗ và tìm mua ô tô cũ, B đồng ý.

Sáng ngày 20/02/2019 trước khi cùng Ngọc A đi Hòa B, B có số tiền 1.500.000 đồng và vay thêm Ngọc A 600.000 đồng để mua ma túy sử dụng cho bản thân, nhưng không nói cho Ngọc A biết vay tiền để làm gì, sau đó B đi ra khu vực phường sông Hiến, thành phố Cao Bằng gặp một người đàn ông không quen biết và mua được của người này 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng, 01 gói Heroin giá 1.000.000 đồng và 01 gói hồng phiến giá 400.000 đồng, tổng cộng là 1.900.000 đồng. Sau khi mua được ma túy B cất giấu vào người và đi về gặp Ngọc A, sau đó B và Ngọc A thuê taxi đi đến nhà Hồ Đức C, trú tại Hợp Quang, thành phố Cao Bằng để thuê C chở Ngọc A và B đi thành phố Hòa B, Ngọc A và C thỏa T khi nào về thì mới trả tiền theo đồng hồ tính tiền trên xe taxi. C đồng ý và điều khiển xe taxi biển số 11A-030.29 chở Ngọc A và B đi Hòa B. Khi đến khu vực xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa B, Ngọc A và B xuống xe bảo C tự đi tìm chỗ nghỉ khi nào về sẽ gọi, sau đó Ngọc A gọi điện thoại cho T để bảo T bảo H ra đón Ngọc A cùng B vào nhà H, tối đó Ngọc A cùng B ngủ tại nhà H.

Sáng ngày 21/2/2019 B vào phòng vệ sinh nhà H để sử dụng ma túy. Ngọc A có hỏi H về tiền bán sập, H nói chỉ đồng ý mua sập với giá 75.000.000 đồng, Ngọc A đồng ý. H nói hiện nay chưa có đủ tiền trả Ngọc A và bảo Ngọc A lấy ô tô tương đương với giá trị tiền bán sập gỗ, Ngọc A đồng ý, nên H đã gọi cho Lê

Quốc Thịnh (là em trai H có xe ô tô đang muốn bán) bảo Thịnh mang xe đến nhà H. Sau đó Ngọc A gọi điện cho Nguyễn Văn T nhờ T tìm giúp một người biết lái xe ô tô để lên Hòa B lái xe về Cao Bằng cho Ngọc A, nên T đã bảo Đỗ Đức P lên Hòa B lái xe hộ Ngọc A về Cao Bằng, P đồng ý. Sáng ngày 22/2/2019 Đinh Quang B và Phạm Ngọc A có gọi điện thoại cho P nhờ P đi lên thành phố Hòa B để lái xe ô tô về Cao Bằng hộ Ngọc A, khoảng 10 giờ cùng ngày Đỗ Đức P đón xe khách lên thành phố Hòa B, khi đến thành phố Hòa B B đón P và dẫn vào nhà H.

Buổi tối ngày 22/02/2019 tại nhà Lê Thế H, lúc này có H, B nấu cơm, còn P và Ngọc A ngồi uống nước ở bàn. Theo lời khai của P thì Ngọc A mượn điện thoại P gọi cho ai đó, qua điện thoại P nghe thấy Ngọc A nói “ có 3 lạng muối (tức ma túy đá), có lấy thêm gì không?” sau đó Ngọc A trả điện thoại cho P và bảo P mang 3 lạng muối (tức ma túy đá) xuống Hà N giao cho T giúp Ngọc A, khi đến Hà N cứ gọi điện vào số này sẽ có người nhận. P mở điện thoại ra xem số đó là 0975 388 116 thì P biết số điện thoại này là số điện thoại của T nhà ở Lạng Giang, Bắc Giang, P đồng ý. Ngọc A lấy trong người ra một gói nilon màu đen đưa cho P nhưng P không cầm mà bảo ăn cơm xong đã. Sau khi ăn cơm xong B đi rửa bát, còn Ngọc A, P, H ngồi uống nước ở bàn, sau đó H có việc đi ra ngoài, B rửa bát xong đi vào phòng Karaoke nhà H để sử dụng ma túy, Ngọc A bảo P vào phòng Karaoke nhà H. Lúc này trong phòng Karaoke có P, Ngọc A và B, Ngọc A lấy trong người ra một gói nilon màu đen đưa cho P và bảo P mang 3 lạng muối (tức ma túy đá) này xuống Hà N giao cho T, trên đường đi nếu gặp công an thì phải vứt đi, P cầm gói ma túy giấu kẹp vào nách bên trái, Ngọc A cho P số điện thoại của C lái xe taxi và đưa cho P 4.000.000 đồng dặn P đưa cho C để trả tiền taxi Ngọc A và B đi từ Cao Bằng lên Hòa B. Sau đó Ngọc A gọi điện bảo C “chuẩn bị đi Hà N”, B dùng xe máy chở P đến chỗ C nhưng vừa đi được khoảng 1km thì xe hết xăng, nên đã gọi điện cho C đến đón P đi Hà N, khi C điều khiển xe taxi đến khu vực xã Trung M, thành phố Hòa B thì gặp tổ công tác của Công an tỉnh Hòa B đang làm nhiệm vụ tại đây yêu cầu dừng xe để kiểm tra, thấy vậy P đã ném gói nilon màu đen có chứa ma túy ra khỏi xe taxi, nhưng đã bị tổ công tác phát hiện, đồng thời đưa C và P ra nhặt gói nilon màu đen lên. Đỗ Đức P khai nhận gói trên là ma túy đá P đang vận chuyển cho Ngọc A, hiện Ngọc A và B đang ở nhà Lê Thế H, thu giữ trên người P số tiền 4.000.000 đồng. Ngay ngay lúc này Ngọc A gọi điện thoại cho C nên tổ công tác đã yêu cầu C nghe máy, mở loa ngoài và ghi âm cuộc gọi. Nội dung cuộc gọi: “ Ngọc A bảo C đi đến đâu rồi?

C nói đi được khoảng 5km, Ngọc A nói : Tao bảo nó đưa tiền cho mày 4.000.000 đồng mà nó chưa đưa cho mày đúng không? C nói: có thấy đưa cho cháu đâu. Ngọc A bảo nó đang cầm hàng mà; C nói hàng gì chú? Ngọc A nói đá, 3 lạng, nó đang kẹp ở nách ý”. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng toàn bộ tang vật.

Ngày 23/02/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa B đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Ngọc A về hành vi Vận chuyển trái phép chất ma túy. Đồng thời tiến hành kiểm tra thu giữ trong người B 04 gói” chất bột màu trắng, tinh thể màu trắng và viên nén màu hồng, B khai đó là ma túy của B tàng trữ để sử dụng cho bản thân, nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đinh Quang B về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, cùng ngày Cơ quan CSĐT đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Ngọc A và Đinh Quang B để điều tra, làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số: 41/KLGD-CAT-PC09 ngày 28/2/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa B kết luận:

- Chất dạng các hạt tinh thể màu trắng trong hộp niêm phong ghi tên Đỗ Đức P gửi giám định có khối lượng là 374,72 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất dạng các hạt tinh thể màu trắng trong gói ký hiệu M1 và chất dạng các viên nén hình trụ màu hồng trong gói ký hiệu M4 trong phong bì niêm phong bì niêm phong ghi tên Đinh Quang B gửi giám định có tổng khối lượng: 0,59 gam là ma túy loại Methamphetamine.

- Chất bột dạng cục màu trắng trong gói ký hiệu M2, M3 trong phong bì niêm phong ghi tên Đinh Quang B gửi giám định có tổng khối lượng 0,68 gam là ma túy loại Heroin.

Quá trình điều tra, các bị cáo Đỗ Đức P, Đinh Quang B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Phạm Ngọc A không thừa nhận hành vi đưa gói ma túy cho P và bảo P vận chuyển ma túy xuống Hà N đưa cho đối tượng tên là T.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 374,72 gam ma túy loại Methamphetamine của Đỗ Đức P; 0,68 gam ma túy loại Heroin và 0,59 gam ma túy loại Methamphetamine của Đinh Quang B; tiền ngân hàng nhà nước V Nam

4.000.000 đồng; điện thoại của các bị cáo và một số vật chứng khác để phục vụ cho công tác điều tra vụ án.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-P1 ngày 16/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B truy tố: Phạm Ngọc A, Đỗ Đức P về tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự; truy tố Đinh Quang B về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, phân tích tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A tù chung thân. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Đức P 20 năm tù. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đinh Quang B từ 02 đến 03 năm tù. Vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Xuân Việt bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc A trình bày bản luận cứ bào chữa nêu quan điểm: Luật sư chưa đồng nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, luật sư phân tích các mối quan hệ giữa các bị cáo, người làm chứng, lời khai của bị cáo P, cuộc điện thoại của bị cáo Ngọc A cho người làm chứng C là chưa có cơ sở vững chắc. Luật sư yêu cầu giám định vân tay trên gói ma túy và trích xuất camera tại phòng Karaoke nhà anh H. Theo đó luật sư đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung và đình chỉ điều tra đối với bị cáo Phạm Ngọc A.

Luật sư Nguyễn Thị Hà bào chữa cho bị cáo Đỗ Đức P trình bày bản luận cứ bào chữa nêu quan điểm: Đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Đỗ Đức P về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Tuy nhiên luật sư mong Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; tích cực phối hợp với cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án; ông bà và bố bị cáo là người có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đỗ Đức P và bị cáo Đinh Quang B một lần nữa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Do có mối quan hệ quen biết, ngày 22/2/2019 Đỗ Đức P đã đồng ý vận chuyển 374,72 gam ma túy đá cho Phạm Ngọc A xuống Hà N giao cho đối tượng tên T. Khi đi đến địa phận xã Trung M, thành phố Hòa B thì bị bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật. Bị cáo Đinh Quang B một lần nữa khai nhận: Tàng trữ 0,68 gam ma túy loại Heroin và 0,59 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân.

Riêng đối với bị cáo Phạm Ngọc A không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo Đỗ Đức P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứng Hồ Đức C, người làm chứng Lê Thế H, đoạn ghi âm điện thoại cuộc gọi của Phạm Ngọc A cho Hồ Đức C cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ để kết luận: Tối ngày 22/2/2019 tại phòng hát Karaoke nhà Lê Thế H, Phạm Ngọc A đã có hành vi đưa gói ma túy đá có tổng trọng lượng 374,72 gam cho Đỗ Đức P, nhờ P vận chuyển xuống Hà N giao cho T.

Các bị cáo Phạm Ngọc A, Đỗ Đức P, Đinh Quang B là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức hiểu biết về pháp luật. Các bị cáo nhận biết việc vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, xong vì hám lời và để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Ngọc A, Đỗ Đức P là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Đinh Quang B, Phạm Ngọc A, Đỗ Đức P xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa P nên cần phải nghiêm trị để răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm C.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Phạm Ngọc A: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Nhưng qua lời khai của bị cáo Đỗ Đức P, lời khai của anh Hồ Đức C, ông Lê Thế H cùng toàn bộ hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở khẳng định: bị cáo Phạm Ngọc A là người đưa 374,72

gam ma túy đá cho Đỗ Đức P, bảo P vận chuyển xuống Hà N giao cho đối tượng tên T. Bị cáo Phạm Ngọc A là người chủ mưu trong việc vận chuyển 374,72 gam ma túy đá. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Ngọc A khai khoảng thời gian từ 19 giờ đến 21 giờ ngày 22/02/2019 điện thoại của bị cáo được bị cáo đút trong túi quần của mình không cho ai mượn và cũng không gọi cho ai, qua xác minh của Cơ quan điều tra tại Công ty viễn thông có số máy của Ngọc A là 036 6248 91 gọi vào số máy của C 0916 001 166 lúc 20 giờ 13 phút ngày 22/02/2019 (Bút lục 198). Tại phiên tòa anh C khai: khoảng 20 giờ ngày 22/02/2019 Ngọc A có gọi cho C nói là “ Chuẩn bị đi Hà N”. Do đó khẳng định Ngọc A đã gọi điện cho C để đưa P đi Hà N vận chuyển số ma túy như ở trên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B truy tố bị cáo về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo đã có tiền án về tội ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học và vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, đối với bị cáo phải mức hình phạt nghiêm khắc để nghiêm trị với bị cáo và giáo dục phòng ngừa C. Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Bị cáo Phạm Ngọc A có tình tiết giảm nhẹ: thân nhân là người có công với cách mạng được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vấn đề luật sư Nguyễn Xuân V đề nghị giám định mẫu vân tay trên túi nilon gói ma túy Hội đồng xét xử nhận thấy: qua quá trình vận chuyển bị cáo P kẹp gói ma túy vào nách, và khi gặp công an bị cáo P đã ném gói ma túy xuống đường; đồng thời trong quá trình trích mẫu giám định các dấu vân tay đã bị xáo trộn do đó không thể giám định được nữa. Luật sư đề nghị trích xuất camera tại phòng Karaoke nhà anh H, tại phiên tòa anh H khai nhà anh không lắp đặt camera tại phòng Karaoke vì phòng đó không sử dụng đến; bị cáo P và bị cáo B đều khai không nhìn thấy có camera do đó không cần thiết phải xem xét vấn đề này. Việc luật sư đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung và đình chỉ điều tra đối với bị cáo Phạm Ngọc A là không có cơ sở. Bởi lẽ từ những phân tích nhận định vào lời khai và chứng cứ đã thu thập tại cơ quan điều tra và tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Phạm Ngọc A là người đã đưa gói ma túy cho bị cáo Đỗ Đức P. Nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của luật sư.

Đối với bị cáo Đỗ Đức P: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người đã trực tiếp vận chuyển 374,72 gam ma túy đá cho Phạm Ngọc A xuống Hà N giao

cho đối tượng tên T. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người làm chứng và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B truy tố bị cáo về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức trực tiếp, tích cực nên phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo phải chịu trách nhiệm vai trò đồng phạm với bị cáo Phạm Ngọc A. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng; các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để tiến hành làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo khác; gia đình bị cáo có ông bà là người có công với cách mạng, bị cáo phạm tội không được hưởng lợi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt. Lời bào chữa của luật sư đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ sẽ được hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Đinh Quang B: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tàng trữ 1,27 gam ma túy để sử dụng cho bản thân, đủ cơ sở xác định cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa B truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện cần có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe phòng ngừa tội phạm C. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

Đối với người đàn ông tên T, theo lời khai của P thì T là người sẽ nhận ma túy do P vận chuyển. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng T vắng mặt tại địa P, không ai biết T đang ở đâu. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn chưa được hưởng lời do vậy HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[3]. Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ số ma túy các bị cáo đã vận chuyển và tàng trữ. Xét những vật chứng trên thuộc Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu xuất hủy. 01 ví da, 01 túi xách đã qua sử dụng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động của các bị cáo dùng vào việc liên lạc vận chuyển ma túy.

Trả lại cho các bị cáo điện thoại di động không liên quan đến việc phạm tội.

Một chứng minh thư nhân dân mang tên Đinh Quang B. Xét đây là giấy tờ tùy thân không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ đây là tiền bị cáo Phạm Ngọc A trả tiền taxi cho anh Hồ Đức C. Xét số tiền này là tiền công của anh C không liên quan gì đến vụ án, cần trả lại cho anh Hồ Đức C.

[4] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc A (tên khác: V); bị cáo Đỗ Đức P phạm tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy; Bị cáo Đinh Quang B phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 20 (Hai mươi) năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2019;

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức P 18 (Mười tám) năm tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2019.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Quang B 02 (Hai) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy:

1. 01(một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn một mặt có ghi: MẪU GIÁM ĐỊNH MA TÚY. Mẫu trả lại CQTC.CBGĐ: Đỗ Thành Công. Ngày niêm phong: 28/02/2019. Số nhận giám định: 41; ngày 23/02/2019. Số thông báo KLGD: 41, ngày 28/02/2019. Cq trưng cầu: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa B. Số: 31/PC04, ngày 23/02/2019. Tên đối tượng: Đinh Quang B. Tên mẫu: Methamphetamine, số lượng: 02(M1:0,06g; M4: 0,28g). Heroin, số lượng: 02(M2: 0,09g; M3: 0,32g). Trên cá mép dán có 05 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa B và chữ ký Đỗ Thành Công, Bùi Văn Sơn thành phần tham gia niêm phong. *(một số dấu nhòe mờ không rõ nét)*.

2. 01 (một) hộp niêm phong còn nguyên vẹn, một nặt có ghi chữ: “Mẫu vật còn lại sau giám định. Đối tượng Đỗ Đức P, sinh năm 1986. Bắt quả tang ngày 22/02/2019 tại xã Trung M, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B. 01 mẫu ma túy, loại Methamphetamine (338,69g)”. Trên mép dán có 07 dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hòa B và chữ ký Đỗ Thành Công, Bùi Văn Sơn thành phần tham gia niêm phong *(một số dấu nhòe mờ không rõ nét)*.

3. 01 (một) ví da màu vàng đã cũ và qua sử dụng

4. 01 (một) túi xách màu nâu đã qua sử dụng.

* Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh trắng đã qua sử dụng. Không kiểm tra chi tiết máy móc bên trong, bên trong có 01 sim Viettel. IMEi: 357329082392601. (là điện thoại thu giữ của Phạm Ngọc A). Điện thoại đã cũ và qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

2. 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, IMEI: 3573 4208 888 6317. Bên trong có 01 sim Viettel, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra gì bên trong. (là điện thoại thu giữ của Đỗ Đức P).

* Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc A:

1. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong, bên trong có 01 sim Vinaphone, IMEI: 359 014 0908 17444. Điện thoại đã cũ và qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

2. 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu vàng nâu đã qua sử dụng bên trong không có sim. IC: 661AD-RM233. Điện thoại đã cũ và qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

* Trả lại cho bị cáo Đinh Quang B:

- 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Đinh Quang B số: 151 209 461 do Công an tỉnh Thái B cấp ngày 28/4/2014.

-. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng xanh bên trong có 01 sim Viettel. Điện thoại đã cũ và qua sử dụng không tiến hành kiểm tra tình trạng máy móc bên trong.

* Trả lại cho anh Hồ Đức C; địa chỉ: tổ 3, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) phong bì dán kín, một mặt đề chữ “Niêm phong 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) là tiền ngân hàng nhà nước V Nam (đã qua giám định) vật chứng trong vụ Đỗ Đức P cùng đồng phạm tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, xảy ra tại: xóm Ngọc, xã Trung M, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B và xóm 1 xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B”. Tại các mép dán có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa B (*dấu nhòe mờ không rõ nét*).

(Chi tiết vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 33/BB - GNVC ngày 21/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa B và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa B.)

3.Về án phí: Các bị cáo Phạm Ngọc A, Đỗ Đức P, Đinh Quang B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa B;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hòa B;
- CQ cảnh sát điều tra CA tỉnh Hòa B;
- Cục THADS tỉnh Hòa B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Tuấn